



WRITING TASK 2

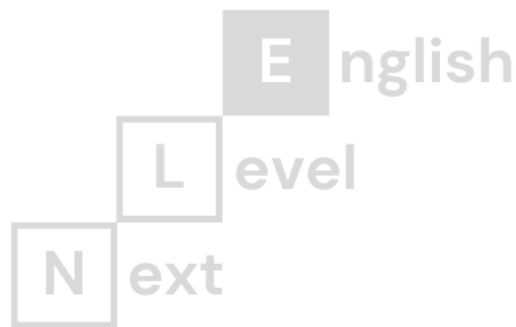
CHALLENGE 8

DẠNG BÀI: OPINION ESSAY

Some people believe that planing for the future is a waste of time because they think that focusing on the present is more important. To what extent do you agree or disagree

BƯỚC 1: Đọc đề và thực hiện theo các bước sau:

- 1/ Tạo structure (dàn ý), có mấy đoạn, mỗi đoạn viết gì.
- 2/ Main ideas cho từng đoạn paragraph (topic sentence, explanation, examples).





Next Level English

Take your English to the next level with IELTS teachers 8.0+

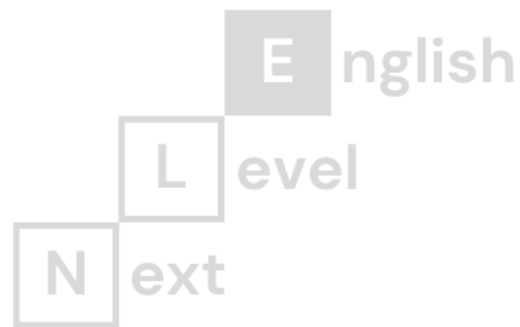
Website: nextlevelenglish.vn

Fanpage/YouTube: [Next Level English](#)

Group: [Học IELTS 8.0+ cùng Hanna](#)

Phone: 0869.354.255 (Zalo – Nuhao)

BƯỚC 2: Tự viết bài theo ý của bạn (min 250 từ), cố gắng canh thời gian ≤ 40 phút.





BƯỚC 3: Đọc bài mẫu và học từ vựng:

Sample essay (band 8.0)

It is argued that making arrangements for the future is useless as focusing on your current life is more crucial. This essay totally disagrees with that statement. I believe that planning helps people to achieve long-term success and prevent potential unexpected risks.

Individuals with planned future actions are capable of achieving heights down the line. Not only do they aspire to employ all the opportunities they have to accomplish goals, but they can also take control over their present actions. Ambitions with organised steps lead to personal growth and fulfilment. For example, provided statistics by Harvard University show that students with a prearranged future exhibited advancements in their physical, emotional, financial and social spheres 45% higher than those without certain purposes.

Additionally, when they organise their way of life, it will provide a chance to notice and avert possible challenges or negative changes in the distant horizon. By taking a proactive approach to their lifestyle, humans can maintain the required daily routines, skills and strategic thinking in the present moment. Furthermore, it assists in acquiring a mindful and rational mindset towards life changes. For instance, according to a study conducted by the scientists of the International Organisation For Human Resources, individuals with desired accomplishments are 23% less likely to have unpleasant outcomes. Even though they encounter difficulties, they probably will not cause them as high a level of stress and anxiety as the other group.

In conclusion, being purposeful in terms of their forthcoming plans can result in outstanding results for people and mitigate unanticipated threats on their further path.

(260 words)

1/ Structure essay (dàn ý)

Paragraph 1 – Introduction

- Paraphrases the argument about future planning.
- Clearly states total disagreement.
- Gives two main reasons: long-term success and risk prevention.

Paragraph 2 – Body 1 (Long-term success)

- Planning supports goal achievement.
- Encourages personal growth and control over actions.
- Provides statistical example.

Paragraph 3 – Body 2 (Risk management)

- Planning helps anticipate and prevent problems.
- Promotes proactive and rational thinking.
- Gives research-based example.

Paragraph 4 – Conclusion

- Restates opinion.
- Emphasises benefits and risk mitigation.

2/ Dịch song ngữ:

English	Vietnamese
It is argued that making arrangements for the future is useless as focusing on your current life is more crucial. This essay totally disagrees with that statement. I believe that planning helps people to achieve long-term success and prevent potential unexpected risks .	Có ý kiến cho rằng việc lên kế hoạch cho tương lai là vô ích vì tập trung vào cuộc sống hiện tại quan trọng hơn. Bài luận này hoàn toàn không đồng ý với quan điểm đó. Tôi tin rằng việc lập kế hoạch giúp con người đạt được thành công dài hạn và ngăn ngừa những rủi ro tiềm ẩn bất ngờ .
Individuals with planned future actions are capable of achieving heights down the line . Not only do they aspire to employ all the opportunities they have to accomplish goals , but they can also take control over their present actions. Ambitions with organised steps lead to personal growth and fulfilment . For example, provided statistics by Harvard University show that students with a prearranged future exhibited advancements in their physical, emotional, financial and social spheres 45% higher than those without certain purposes.	Những cá nhân có kế hoạch hành động cho tương lai có khả năng đạt được những đỉnh cao trong tương lai . Không những họ khao khát tận dụng mọi cơ hội để hoàn thành mục tiêu , mà họ còn có thể kiểm soát các hành động hiện tại của mình. Tham vọng với các bước đi có tổ chức dẫn đến sự phát triển và viên mãn cá nhân . Ví dụ, theo số liệu được cung cấp bởi Đại học Harvard, những sinh viên có kế hoạch tương lai được sắp xếp trước thể hiện sự tiến bộ trong các lĩnh vực thể chất, cảm xúc, tài chính và xã hội cao hơn 45% so với những người không có mục tiêu rõ ràng.
Additionally, when they organise their way of life , it will provide a chance to notice and avert possible challenges or negative changes in the distant horizon . By taking a proactive approach to their lifestyle, humans can maintain the required daily routines , skills and strategic thinking in the present moment. Furthermore, it	Ngoài ra, khi họ sắp xếp cuộc sống của mình một cách có tổ chức , điều đó sẽ tạo cơ hội để nhận ra và ngăn chặn những thách thức có thể xảy ra hoặc những thay đổi tiêu cực trong tương lai xa . Bằng cách áp dụng một cách tiếp cận chủ động , con người có thể duy trì các thói quen hàng ngày cần thiết ,

English	Vietnamese
assists in acquiring a mindful and rational mindset towards life changes. For instance, according to a study conducted by the scientists of the International Organisation For Human Resources, individuals with desired accomplishments are 23% less likely to have unpleasant outcomes. Even though they encounter difficulties, they probably will not cause them as high a level of stress and anxiety as the other group.	kỹ năng và tư duy chiến lược trong hiện tại. Hơn nữa, điều này giúp họ hình thành một tư duy tinh táo và hợp lý trước những thay đổi của cuộc sống. Chẳng hạn, theo một nghiên cứu do các nhà khoa học của Tổ chức Quốc tế về Nguồn nhân lực thực hiện, những cá nhân có mục tiêu mong muốn đạt được ít có khả năng gặp phải kết quả tiêu cực hơn 23%. Mặc dù họ gặp phải khó khăn, nhưng những khó khăn đó có thể không gây ra mức độ căng thẳng và lo âu cao như nhóm còn lại.
In conclusion, being purposeful in terms of their forthcoming plans can result in outstanding results for people and mitigate unanticipated threats on their further path.	Tóm lại, việc sống có mục đích liên quan đến các kế hoạch sắp tới có thể mang lại kết quả vượt trội cho con người và giảm thiểu những mối đe dọa không lường trước trên con đường phía trước của họ.

3/ Vocab and Grammar:

3.1/ Vocabulary:

Từ / Cụm	Loại	Nghĩa tiếng Việt	Synonym	Antonym
arrangements for the future	n phr	kế hoạch cho tương lai	future plans	–
long-term success	n phr	thành công dài hạn	sustained success	short-term gain
potential unexpected risks	n phr	rủi ro tiềm ẩn bất ngờ	unforeseen dangers	–
planned future actions	n phr	hành động có kế hoạch	structured plans	–
achieve heights	v phr	đạt đỉnh cao	reach great success	–
employ opportunities	v phr	tận dụng cơ hội	utilise opportunities	–
take control over	v phr	kiểm soát	manage	lose control
organised steps	n phr	bước đi có tổ chức	structured steps	–
personal growth	n phr	phát triển cá nhân	self-development	–
fulfilment	n	sự viên mãn	satisfaction	dissatisfaction

Từ / Cụm	Loại	Nghĩa tiếng Việt	Synonym	Antonym
advancements	n	sự tiến bộ	progress	regression
proactive approach	n phr	cách tiếp cận chủ động	forward-thinking approach	passive attitude
strategic thinking	n phr	tư duy chiến lược	long-term thinking	–
mindful and rational mindset	n phr	tư duy tỉnh táo và hợp lý	balanced mindset	–
desired accomplishments	n phr	thành tựu mong muốn	intended achievements	–
mitigate unanticipated threats	v phr	giảm thiểu mối đe dọa không lường trước	reduce unforeseen risks	–
outstanding results	n phr	kết quả vượt trội	remarkable outcomes	poor results

3.2/ Ngữ pháp và cấu trúc hay:

Cấu trúc	Nghĩa	Cách dùng	Ví dụ trong bài
It is argued that + clause	Có ý kiến cho rằng...	Mở bài opinion	<i>It is argued that making arrangements...</i>
I believe that + clause	Tôi tin rằng...	Nêu quan điểm	<i>I believe that planning helps...</i>
Not only do + subject + verb	Không những... mà còn...	Đảo ngữ nhấn mạnh	<i>Not only do they aspire...</i>
lead to + noun	dẫn đến...	Nêu kết quả	<i>lead to personal growth...</i>
By + V-ing	Bằng cách...	Chỉ phương thức	<i>By taking a proactive approach...</i>
Even though + clause	Mặc dù...	Nhượng bộ	<i>Even though they encounter difficulties...</i>
can result in + noun	có thể dẫn đến...	Kết luận	<i>can result in outstanding results...</i>

BƯỚC 4: Sau khi đã học từ bài mẫu, nếu được enhance bài viết của bạn, bạn sẽ viết lại thế nào?